

Số: 43/KH-MN-20/10

Bình Tân, ngày 06 tháng 09 năm 2020

KẾ HOẠCH
Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT
Năm học 2020-2021

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường Mầm non 20/10 xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện công khai tại cơ sở giáo dục, năm học 2020-2021 cụ thể như sau:

I. Mục đích thực hiện công khai

- Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục và đào tạo trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

II. Nguyên tắc thực hiện công khai

- Việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục và đào tạo phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này.

- Thông tin được công khai tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trên các trang thông tin điện tử theo quy định tại Quy chế này phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

III. Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Biểu mẫu 05).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: Số học sinh học 2 buổi/ngày; số học sinh được đánh giá định kỳ cuối năm học về từng năng lực, phẩm chất, kết quả học tập, tổng hợp kết quả cuối năm đối với trường tiểu học (Biểu mẫu 06).

c) Kiểm định cơ sở giáo dục: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định, các trường tiểu học thực hiện theo (Biểu mẫu 07).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 08).

3. Công khai thu chi tài chính:

- Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Quy chế này.
- Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

- Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

IV. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Quy chế này:

a) Công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục và đào tạo vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

b) Niêm yết công khai tại bảng thông báo (gắn cổng trường) đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem.

2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4, điểm b khoản 3 Điều 5, điểm b khoản 3 Điều 6 và điểm b khoản 4 Điều 7 của Quy chế này, ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại điểm a và b khoản 1 của Điều này, cơ sở giáo dục và đào tạo còn phải thực hiện công khai như sau:

Niêm yết công khai tại bảng thông báo nhà trường và phổ biến trong cuộc họp Cha mẹ học sinh đầu năm.

V. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban chỉ đạo; tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo Quy chế. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và cơ quan chủ quản (nếu có) trước 30 tháng 9 hằng năm.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của cơ sở giáo dục.

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra lại cơ sở đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, Cha mẹ học sinh xem.

c) Đưa lên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để báo cáo)
- Các thành viên BCD (để thực hiện)
- Lưu: VT./.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Duyên

Biểu mẫu 01

(kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG MẦM NON
20/10

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020-2021.

STT	Nội dung	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Nhận biết, phân loại 1 số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen một số thao tác đơn giản trong biên chế 1 số món ăn và thức uống. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì). - Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Phát triển thể chất. - Phát triển nhận thức. - Phát triển ngôn ngữ. - Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội. - Phát triển thẩm mỹ. Các nội dung khác: - Nội dung và các chủ đề giáo dục: + Trường Mầm non + Bản thân. + An toàn. + Gia đình. + Nghề nghiệp. + Thực vật. + Động vật. + Phương tiện giao thông. + Hiện tượng tự nhiên. + Quê hương đất nước. + Tết trung thu. + Ngày 20/11. + Ngày QĐNDVN 22/12.

		+ Vui Noel. + Lễ hội Mùa xuân. + Ngày 8/3. + Giỗ Tổ Hùng Vương.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng cá nhân đúng cách. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Phòng sinh hoạt: đảm bảo 1,5 – 1,8 m² cho 1 trẻ, đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền nhà láng xi măng, lát gạch màu sáng hoặc gỗ. - Được phép sử dụng phòng sinh hoạt chung làm nơi ăn, ngủ cho trẻ. - Phòng sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn, ghế của trẻ đúng qui cách và đủ số trẻ trong lớp. + Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. + Hệ thống đèn, hệ thống quạt. - Phòng ngủ: Đảm bảo 1,2 – 1,5 m² cho 1 trẻ, đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát theo thời tiết. - Có các thiết bị: nệm, gối, quạt. - Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. - Phòng vệ sinh: đảm bảo 0,4 – 0,6 m² cho 1 trẻ, có các thiết bị sau: vòi nước rửa tay, chỗ đi tiêu và bệ xí cho bé trai và bé gái. - Thực đơn phù hợp lứa tuổi: Có. - Tổ chức ăn sáng: Có. - Theo dõi về sức khỏe của trẻ. * Khám sức khỏe: + Với trẻ: 1 lần/năm + Với giáo viên: 1 lần/năm + Cấp dưỡng: 1 lần/ năm * Tẩy giun: 2 lần/ năm

		- Kết quả về nuôi dưỡng: *SDDCN và SDDCC: 0 bé *DC-BP: 35 bé.
--	--	---

Bình Tân, ngày 06 tháng 09 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Thanh Duyên

Biểu mẫu 02

(kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN BÌNH TÂN

TRƯỜNG MẦM NON

20/10

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	180						
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	180				50	60	70
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	180				50	60	70
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	180				50	60	70
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	180				50	60	70
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	145				41	50	54
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	180				50	60	70
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân béo phì	35				9	10	16
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	180				50	60	70
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ							

2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	180				50	60	70
---	-----------------------------------	-----	--	--	--	----	----	----

Bình Tân, ngày 06 tháng 09 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



[Signature]
Trần Thị Thanh Duyên

Biểu mẫu 03

(kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN BÌNH TÂN

TRƯỜNG MẦM NON

20/10

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	7	
1	Phòng học kiên cố	7	3
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	1.224,28	5,3
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	589,14	2,6
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)		
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	26,60	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	23,4	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	53,20	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	53,20	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	53,20	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	79,80	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	6	Số bộ/nhóm (lớp) 1
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	7	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	1	Số bộ/ sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	8	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/ nhóm (lớp)

1	Ti vi	7	1
2	Máy photocopy	1	
3	Catsset	7	1
4	Đàn organ	7	1

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8	8		0,92	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

Bình Tân, ngày 06 tháng 09 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Thanh Duyên

Biểu mẫu 04

(kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG MẦM NON
20/10

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở
giáo dục mầm non, năm học 2020-2021**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	26		1	6	9	3	7	11	2	3				
I	Giáo viên	14			4	7	3		11	2	1				
1	Nhà trẻ														
2	Mẫu giáo	14			4	7	3		11	2	1				
II	Cán bộ quản lý	2		1	1						2				
1	Hiệu trưởng	1		1							1				
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1				
III	Nhân viên	10			1	2		7							
1	Nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Nhân viên y tế	1				1									
4	Nhân viên khác	7						7							

Bình Tân, ngày 06 tháng 9 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Thanh Duyên